**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU** **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 28 - 9 - 2018
V/v chia tài sản sau ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Út

*Các Thẩm phán:* Ông Chung Văn Kết

Ông Huỳnh Văn Yên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Kim Yến - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 51/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 201/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1969 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị L2, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lữ Văn H, sinh năm 1952 (vắng mặt).

2. Ông Tô Văn P1, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C ..

3. Ông Hồ Văn Lợi, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C ..

4. Chị Nguyễn Nhã Phương, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Lành – nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn L1 trình bày:*

Trước đây tòa án đã giải quyết cho ông và bà L2 ly hôn với nhau, khi giải quyết ly hôn phần tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết, do vợ chồng không tự thỏa thuận được nên ông yêu cầu tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Về tài sản chung ông xác định gồm tiền tổ chức đám cưới cho con gái được là 40.000.000 đồng và 4 phần hụi (hai phần hụi nhận rồi) hiện tại do bà L2 quản lý.

Phần hụi 500.000 đồng do ông Tô Văn P1 làm chủ, hụi mở ngày 05/11/2011, tổng số 48 phần đến ngày 05/8/2015 là mãn phần hụi, số tiền nhận được là 23.500.000 đồng.

Phần hụi 1.000.000 đồng do ông Lữ Văn H làm chủ, hụi mở ngày 29/4/2014 tổng số 25 phần đến ngày 29/8/2015 hốt hụi, số tiền nhận được là 17.000.000 đồng. Tổng số hai phần hụi đã hốt là 40.500.000 đồng, số tiền này bà L2 đang quản lý.

Đến khi ly hôn còn lại hai phần hụi chưa nhận, phần hụi 1.000.000 đồng và phần hụi 2.000.000 đồng:

Phần hụi 1.000.000 đồng do ông Hồ Văn Lợi làm chủ, hụi mở ngày 10/4/2014 tổng số 40 phần đến ngày 10/9/2015 đã đóng được 18 lần nếu hụi này nhận được là 18.000.000 đồng.

Phần hụi 2.000.000 đồng do ông Tô Văn P1 làm chủ, hụi mở ngày 15/10/2014 đến 15/9/2015 đã đóng được 12 lần nếu hụi này nhận được là 24.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi đã hốt và chưa hốt đến ngày ly hôn là 82.500.000đ.

Trong ngày đám cưới giữa ông và bà L2, cha mẹ ông cho bà L2 08 chỉ vàng 24k, hiện tại bà L2 đang giữ số vàng trên, tổng số tất cả các khoản tiền trên là 122.500.000 đồng và 08 chỉ vàng 24k. Ông yêu cầu được chia đôi giá trị tài sản trên mỗi người được nhận là 61.250.000 đồng và 04 chỉ vàng 24k.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị L2 trình bày:*

Đối với số vàng cha mẹ cho trong ngày cưới vào năm 1997 là 04 chỉ vàng 24k không phải 08 chỉ vàng như ông L1 trình bày, số vàng này trong thời gian sinh con đã bán chi sài trong gia đình và lo cho con hết, hiện nay không còn nên không đồng ý chia.

Đối với số tiền cô bác bà con đi đám con gái đã chi vào việc tổ chức đám gả cho con, thuê xe đưa dâu, tiền chụp hình, mua quần áo và nữ trang cho con gái hết, số tiền này hiện nay không còn nên không đồng ý chia.

Đối với số tiền hụi: Đối với phần hụi 500.000 đồng của ông P1 và phần hụi 1.000.000 đồng của ông H vợ chồng đã hốt trước khi ly hôn tiền hốt hụi đã trả vàng sang đất hết vì trước đây vợ chồng sang đất không đủ vàng nên còn nợ lại và sau đó hốt hụi trả. Đối với phần hụi 1.000.000 đồng của ông L3 không phải vợ chồng tham gia mà là của con gái tên Nguyễn Nhã P2 tham gia chơi hụi, khi con gái có chồng chủ hụi đã trả lại tiền vốn mà Nguyễn Nhã P2 đã đóng hụi. Đối với phần hụi 2.000.000đ của ông P1 khi ly hôn ông L1 điện cho chủ hụi yêu cầu đình hụi nên đến nay ông P1 vẫn chưa trả tiền hụi mà bà và ông L1 đã đóng hụi.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 bà L2 có đơn yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và ông L1 gồm: Một phần đất có diện tích 24.717m$^2$ tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh cà Mau, do ông Nguyễn Văn L1 đứng tên quyền sử dụng đất. Bà yêu cầu nhận ½ diện tích đất. Một căn nhà bằng cây gỗ địa phương lộp tol; một căn nhà cây gỗ địa phương lộp lá trị giá 02 căn là 30.000.000 đồng. Các vật dụng trong nhà như: 01 cây nước, một võ Composite, một tủ bếp ga, một bình ga, 01 thùng nhựa đựng nước, một tủ lạnh, một tivi, tổng giá trị các vật dụng trong nhà trị giá 20.000.000 đồng. Nhà và vật dụng trong nhà ông L1 đang quản lý, bà đồng ý giao nhà và vật dụng trong nhà cho ông L1 quản lý sử dụng, bà yêu cầu ông lành trả cho bà ½ giá trị nhà và các vật dụng trong nhà với số tiền 25.000.000 đồng.

*- Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 11 năm 2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Nhã P2 trình bày:*

Đối với phần hụi 1.000.000 đồng do ông Hồ Văn Lợi làm chủ, ông L1 cho rằng tài sản chung giữa ông L1 và bà L2 là không đúng, phần hụi này do chị tham gia, khi chị có chồng chị đã hốt phần hụi này và đã giải quyết xong với chủ hụi.

*- Tại biên bản ghi lời khai ngày 27 tháng 3 năm 2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Văn H trình bày:*

Ông có đứng tên là chủ hụi đối với dây hụi 1.000.000 đồng, vợ chồng ông L1, bà L2 có tham gia chơi một phần hụi do ông đứng tên làm chủ. Ông chỉ đứng tên chủ hụi còn việc giao dịch với ông L1, bà L2 là do con dâu ông là bà Huỳnh Hồng Thơ trực tiếp giao dịch.

*- Tại biên bản xác minh ngày 06 tháng 02 năm 2018 bà Huỳnh Hồng Thơ trình bày:* Tất cả các dây hụi do bà trực tiếp giao dịch với hụi viên và tự chịu trách nhiệm với hụi viên nhưng trên giấy tờ thì bà lấy tên cha chồng là ông Lữ Văn H để thuận tiện giao dịch. Vào ngày 29 tháng 4 năm 2014 âm lịch bà có mở một dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi một tháng khui một lần, dây hụi có 25 phần, ông L1 và bà L2 tham gia một phần hụi. Trong danh sách hụi thì ông L1 đứng tên còn giao dịch thì bà giao dịch trực tiếp với bà L2. Đến ngày 29 tháng 8 năm 2015 thì bà L2 hốt hụi, số tiền hơn 20.000.000 đồng, bà đã giao trực tiếp cho bà L2 tại nhà bà L2. Phần hụi hiện nay đã mãn, bà L2 đã thực hiện nghĩa vụ đóng hụi đầy đủ.

*- Tại biên bản ghi lời khai ngày 05 tháng 11 năm 2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Văn P1 trình bày:*

Ông có mở một dây hụi, loại hụi 500.000 đồng, hụi mỗi tháng khui một lần, dây hụi có 48 phần hụi, ông L1 và bà L2 tham gia chơi 02 phần hụi, trong danh sách hụi ghi tên ông L1 nhưng ông giao dịch trực tiếp với bà L2. Khi tham gia hụi được khoảng vài kỳ thì bà L2 hốt hụi và ông đã giao đủ tiền cho bà L2, số tiền giao cho bà L2 cụ thể ông không nhớ. Dây hụi này mãn vào tháng 8 năm 2015, bà L2 đóng hụi còn nợ lại 2.000.000 đồng. Vào tháng 10 năm 2014 ông có mở một dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi mỗi tháng khui một lần, dây hụi có 37 phần hụi, ông L1 và bà L2 tham gia một phần hụi. Bà L2 đóng hụi được 07 kỳ (đến tháng 4 năm 2015) thì không đóng hụi nữa. Bà L2 có gặp ông thỏa thuận xin nhận lại tiền gốc đã đóng hụi với số tiền là 8.940.000 đồng, trừ tiền hụi còn nợ 2.000.000 đồng, ông còn nợ ông L1 và bà L2 số tiền 6.940.000 đồng. Hiện nay ông còn nợ bà L2 và ông L1 số tiền 6.940.000 đồng.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 27 tháng 3 năm 2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn Lợi trình bày: Ông có đứng tên là chủ hụi đối với dây hụi 2.000.000 đồng, vợ chồng ông L1, bà L2 có tham gia chơi một phần hụi do ông đứng tên làm chủ. Ông chỉ đứng tên chủ hụi còn việc giao dịch với ông L1, bà L2 là do vợ ông là bà Phạm Thị Tươi trực tiếp giao dịch.

Tại biên bản xác minh ngày 06 tháng 02 năm 2018 bà Phạm Thị Tươi trình bày: Bà và chồng bà là ông Hồ Văn Lợi làm chủ hụi rất nhiều dây hụi, nhưng giao dịch với hụi viên thì bà là người trực tiếp giao dịch, ông L3 chỉ đứng tên trong danh sách hụi. Bà xác định bà làm chủ hụi ông L1, bà L2 tham gia rất nhiều phần hụi nhưng hụi đã mãn và giữa bà và ông L1, bà L2 đã thanh toán xong. Đối với dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 10 tháng 4 năm 2014 do bà làm chủ có tổng số 40 phần hụi, dây hụi này bà L2 tham gia dùm con gái tên Nguyễn Nhã P2 và trong danh sách hụi do Nhã Phương đứng tên, dây hụi này bà L2 góp hụi thay cho Nhã Phương, góp hụi được 15 lần thì Nhã Phương không tham gia tiếp, bà đã trả cho Nhã Phương số tiền 11.250.000 đồng.

*Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình số: 51/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:*

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 33, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình và áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L1 về việc yêu cầu bà Võ Thị L2 chia số tiền 104.500.000đ và 08 chỉ vàng 24k.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà L2 về việc chia tài sản chung của vợ chồng là một phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế 22.419,1m$^2$ được chia như sau:

2.1. Phần đất ông L1 và bà L2 được sử dụng chung làm đường nước có diện tích 2.422.9m$^2$, tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, có vị trí như sau: Đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn Út dài 406,24m; Tây giáp phần đất ông L1 được chia dài 322,81m; Nam giáp phần đất bà L2 được chia dài 06m; Bắc giáp tuyến lộ cấp 6 (tuyến Vàm Đình – Việt Thắng) dài 06m.

2.2. Ông Nguyễn Văn L1 được chia hai thửa đất tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

- *Thửa thứ nhất:* Phần đất có diện tích 9.516,7m$^2$ đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng cây lâu năm trong đó có 269.8 m$^2$ đất nền mộ (là đất trông cây lâu năm), có vị trí như sau: Đông giáp phần đất ông L1 và bà L2 được sử dụng chung làm đường nước dài 322,81m; Tây giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 324,65m; Nam giáp phần đất bà L2 được chia dài 29,29m; Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 29,62m.

- *Thửa thứ hai:* Phần đất có diện tích 539.2 m$^2$, trong đó có 150m$^2$ đất thổ cư và 389,2m$^2$ đất trồng cây lâu năm, có vị trí như sau: Đông giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 28,76m; Tây giáp phần đất bà L2 được chia dài 29,99m; Nam giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 17,89m; Bắc giáp tuyến lộ cấp 6 (tuyến Vàm Đình – Việt Thắng) dài 17,81m.

2.3. Bà Võ Thị L2 được chia hai thửa đất tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

- *Thửa thứ nhất:* phần đất có diện tích 9.400,9 m$^2$ đất nuôi trồng thủy sản, vị trí cụ thể như sau: Đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn Út dài 266,91m; Tây giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 266,99m; Nam giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 35,16m; Bắc giáp phần đất ông L1 được chia và phần đất ông L1, bà L2 được sử dụng chung làm đường nước dài 35,29m.

- *Thửa thứ hai:* Phần đất có diện tích 539.2 m$^2$, trong đó có 150m$^2$ đất thổ cư và 389,25m$^2$ đất trồng cây lâu năm, có vị trí như sau: Đông giáp phần đất ông L1 được chia dài 29,99m; Tây giáp phần đất ông Nguyễn Hoàng Dự dài 30,16m; Nam giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 17,89m; Bắc giáp tuyến lộ cấp 6 (tuyến Vàm Đình – Việt Thắng) dài 17,81m.

*(Kèm theo mảnh trích đo)*

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/6/2018 ông Nguyễn Văn Lành kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án án sơ thẩm, đề nghị chia đôi số tài sản chung, tiền là 122.500.000 đồng và vàng là 08 chỉ vàng 24k; đối với đất, đề nghị chia đất đúng vị trí sử dụng sau khi ly hôn đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các

đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lành đặt ra đòi chia 122.500.000 đồng và 08 chỉ vàng 24k gồm tiền hụi, tiền bà con đi đám con gái, vàng cho trong ngày cưới của ông L1 - bà L2 vào năm 1997; đồng thời ông L1 cũng yêu cầu chia đất đúng vị trí sử dụng sau khi ly hôn đến nay, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Đối yêu cầu của ông L1 về việc yêu cầu chia số tiền của phần hụi 1.000.000 đồng hụi do ông Hồ Văn Lợi và bà Phạm Thị Tươi làm chủ. Bà L2 cho rằng phần hụi này do Nguyễn Nhã P2 (con chung của ông L1 – bà L2) tham gia chơi hụi, bà Tươi cũng xác định phần hụi này do chính Nhã Phương tham gia chơi hụi và trong danh sách hụi cũng ghi tên Nhã Phương. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L1 không yêu cầu chia đối với số tiền này, nên kháng cáo của ông L1 liên quan đến số tiền này là không có căn cứ chấp nhận. Đối với phần hụi 2.000.000 đồng do ông Tô Văn P1 làm chủ hụi, hiện nay ông P1 còn nợ ông L1, bà L2 số tiền 6.940.000 đồng, nhưng ông L1, bà L2 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên án sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Khi các bên không thỏa thuận được việc thanh toán tiền hụi này, và có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Đối với yêu cầu của ông L1 về việc yêu cầu chia đôi phần hụi bà L2 đã nhận tiền hụi trước khi ly hôn với số tiền 40.500.000đ, số tiền tổ chức đám cưới cho con 40.000.000đ và 08 chỉ vàng 24k cha mẹ cho trong ngày cưới của ông L1, bà L2. Bà L2 cho rằng số tiền hốt 02 phần hụi trong thời kỳ hôn nhân với ông L1 bà đã trả tiền mà vợ chồng mua đất còn nợ, nên không còn để chia theo yêu cầu của ông L1; tiền tổ chức đám cho con khoảng 40.000.000 đồng bà đã chi hết vào việc tổ chức đám cho con, tiền thuê xe, tiền chụp hình, tiền mua quần áo và trang sức cho con về nhà chồng…; đối với số vàng cha mẹ cho trong ngày cưới chỉ có 04 chỉ vàng 24k bà L2 đã chi hết vào việc sinh con và mua sữa cho con, nuôi con… Xét thấy ông L1 cho rằng tiền hốt hụi, tiền tổ chức đám gả con, vàng cha mẹ cho trong ngày cưới, nhưng ông L1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khoảng tài sản này bà L2 còn giữ. Đối với bà L2 cho rằng đã chi phí hết số tài sản nêu trên, được chứng minh qua việc quá trình chung sống ông L1 và bà L2 tự mua được phần đất có diện tích theo đo đạt thực tế 22.419,1$m^2$ (nên bà L2 cho rằng tiền hốt hụi đã trả tiền mua đất là có cơ sở). Đối với tiền tổ chức đám cho con bà L2 trình bày đã chi hết cho việc tổ chức đám, tiền chụp hình, thuê xe, mua quần áo và nữ trang cho con về nhà chồng là phù hợp với thực tế, nay ông L1 yêu cầu đòi chia số tiền này là không phù hợp. Đối với số vàng cha mẹ cho trong ngày cưới vào năm 1997, bà L2 cho rằng khi mới cưới hai vợ chồng chưa có tài sản gì ngoài số vàng cha mẹ cho, nên việc bà L2 trình bày đã chi hết trong việc sinh con và nuôi con là có cơ sở. Do đó, kháng cáo của ông L1 yêu cầu chia tiền hụi, tiền tổ chức đám cho con và vàng cha mẹ cho trong ngày cưới là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà L2 về việc chia tài sản chung của ông L1 – bà L2 là một phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế 22.419,1m$^2$ (trong đó, ông Lành và bà Luyến được chia 01 phần đất để 02 người sử dụng chung làm đường nước có diện tích 2.422.9m$^2$). Đồng thời, ông L1 được chia 02 thửa đất: Phần đất có diện tích 9.516,7m$^2$ đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng cây lâu năm trong đó có 269.8 m$^2$ đất nền mộ (là đất trông cây lâu năm) và phần đất có diện tích 539.2 m$^2$, trong đó có 150m$^2$ đất thổ cư và 389,2m$^2$ đất trồng cây lâu năm. Đối với bà Võ Thị L2 được chia 02 thửa đất: Phần đất có diện tích 9.400,9 m$^2$ đất nuôi trồng thủy sản; phần đất có diện tích 539.2 m$^2$, trong đó có 150m$^2$ đất thổ cư và 389,25m$^2$ đất trồng cây lâu năm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lành cho rằng không đồng ý với án sơ thẩm về đường nước đã chia, vì đường nước chia dài hơn đường nước hiện hữu. Xét lời trình bày của ông L1, thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L1 cũng thừa nhận vợ chồng ông có phần đất là tài sản chung có diện tích theo đo đạc thực tế là 22.419,1m$^2$ và đồng ý chia đôi theo yêu cầu của bà L2. Từ đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L2 chia phần đất theo đo đạc thực tế 22.419,1m$^2$. Do trên phần đất sản xuất có một nền mộ của thân nhân ông L1 và phần đất sản xuất chỉ có một đường nước ngang 06 mét, nên không thể chia đôi từ tiền tới hậu được; trong khi bà L2 được chia phần đất ở phía sau, nên việc chừa cho hai người sử dụng chung đường nước có chiều dài hơn thực tế là phù hợp với đất đã chia cho các bên, thuận lợi cho các bên tiếp tục canh tác, xổ nước, nên ông L1 kháng cáo chia lại đường nước chung này là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lành. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lành, đề nghị giữ nguyên bản án bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Về chi phí đo đạc, chi phí định giá, án phí sơ thẩm đã tuyên xử là phù hợp với quy định chung của pháp luật.

[8] Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên ông Lành phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện đúng trình tự luật định.

[10] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Lành. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 51/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L1 về việc yêu cầu bà Võ Thị L2 chia số tiền 104.500.000đ và 08 chỉ vàng 24k.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà L2 về việc chia tài sản chung của vợ chồng là một phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế 22.419,1m$^2$ được chia như sau:

***- Phần đất ông L1 và bà L2 được sử dụng chung làm đường nước có diện tích 2.422.9m$^2$, tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, có vị trí như sau:***

+ Đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn Út dài 406,24m.

+ Tây giáp phần đất ông L1 được chia dài 322,81m.

+ Nam giáp phần đất bà L2 được chia dài 06m.

+ Bắc giáp tuyến lộ cấp 6 (tuyến Vàm Đình – Việt Thắng) dài 06m.

***- Ông Nguyễn Văn L1 được chia hai thửa đất tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:***

*Thửa thứ nhất:* Phần đất có diện tích 9.516,7m$^2$ đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng cây lâu năm trong đó có 269.8 m$^2$ đất nền mộ (là đất trông cây lâu năm), có vị trí như sau:

+ Đông giáp phần đất ông L1 và bà L2 được sử dụng chung làm đường nước dài 322,81m.

+ Tây giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 324,65m.

+ Nam giáp phần đất bà L2 được chia dài 29,29m.

+ Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 29,62m.

*Thửa thứ hai:* Phần đất có diện tích 539.2 m$^2$, trong đó có 150m$^2$ đất thổ cư và 389,2m$^2$ đất trồng cây lâu năm, có vị trí như sau:

+ Đông giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 28,76m.

+ Tây giáp phần đất bà L2 được chia dài 29,99m.

+ Nam giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 17,89m.

+ Bắc giáp tuyến lộ cấp 6 (tuyến Vàm Đình – Việt Thắng) dài 17,81m.

***- Bà Võ Thị L2 được chia hai thửa đất tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:***

*Thửa thứ nhất:* Phần đất có diện tích 9.400,9 $m^2$ đất nuôi trồng thủy sản, vị trí cụ thể như sau:

+ Đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn Út dài 266,91m.

+ Tây giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 266,99m.

+ Nam giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 35,16m.

+ Bắc giáp phần đất ông L1 được chia và phần đất ông L1, bà L2 được sử dụng chung làm đường nước dài 35,29m.

*Thửa thứ hai:* Phần đất có diện tích 539.2 $m^2$, trong đó có 150$m^2$ đất thổ cư và 389,25$m^2$ đất trồng cây lâu năm, có vị trí như sau:

+ Đông giáp phần đất ông L1 được chia dài 29,99m.

+ Tây giáp phần đất ông Nguyễn Hoàng Dự dài 30,16m.

+ Nam giáp phần đất ông Nguyễn Quốc Danh dài 17,89m.

+ Bắc giáp tuyến lộ cấp 6 (tuyến Vàm Đình – Việt Thắng) dài 17,81m.

*(Kèm theo mảnh trích đo)*

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn L1 trả cho bà Võ Thị L2 chi phí đo đạc và chi phí định giá với số tiền là 6.067.632 đồng (sáu triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng)

*Kể từ ngày bà Võ Thị L2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn L1 không thi hành xong, thì còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Nguyễn Văn L1 phải chịu 11.180.700 đồng, ông L1 đã tạm ứng án phí số tiền 1.531.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006584 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được đối trừ, ông L1 phải nộp tiếp 9.649.700 đồng *(chín triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm đồng)*. Bà Võ Thị L2 phải chịu 11.334.700 đồng, bà L2 đã tạm ứng án phí số tiền 6.850.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006640 ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được đối trừ, bà L2 phải nộp tiếp 4.484.700 đồng *(bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm đồng).*

- Án phí phúc thẩm: Ông Lành phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai số 0007127 ngày 18.6.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

*Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Út**